

Bản án số: 25/2025/HS-ST

Ngày: 17-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Trinh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Lê Văn H (còn có tên là H2, H1), sinh ngày 01/01/1972; Nơi sinh: An Giang; Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện tại: không xác định; Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Hòa hảo; Con ông Lê Văn R (G - chết) và bà Lữ Thị K (Khẩu, chết); Có vợ và 02 con (bị cáo khai tại phiên tòa); Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 01/2018/HS-ST ngày 12/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/11/2018, chưa thi hành án phí hình sự sơ thẩm; Nhân thân: (1) Bản án hình sự số 42 ngày 17/9/1993 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản công dân, chấp hành xong ngày 27/11/1993. (2) Bản án hình sự số 72 ngày 15/6/1994 của Tòa án nhân dân thị xã Long Xuyên (nay là thành phố L), tỉnh An Giang xử phạt 12 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản công dân (Bản án ghi nhận bị cáo tên Lê Văn H2, cha Lê Văn L, mẹ Nguyễn Thị Bé B). (3)

Bản án hình sự số 97 ngày 15/6/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 04 năm tù về Tội trộm cắp tài sản công dân, 01 năm tù về Tội trốn khỏi nơi giam; tổng hợp hình phạt với Bản án số 72 ngày 15/6/1994 của Tòa án nhân dân thị xã Long Xuyên, tỉnh An Giang; hình phạt chung phải chấp hành là 06 năm tù, chấp hành xong ngày 01/12/1999 (Bản án ghi nhận bị cáo tên Lê Văn H (H1)). (4) Bản án số 126/HSST ngày 19/6/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 03 năm tù về Tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 05/01/2003. (5) Bản án số 06/2019/HS-ST ngày 11/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/5/2020; Tạm giữ: Ngày 12/3/2025; Tạm giam: Ngày 18/3/2025; Có mặt.

- *Bị hại*: Nguyễn Thanh T (B), sinh năm 1929; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt (có đơn).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Ngô Quang T1, là Luật sư ký hợp đồng thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ; Có mặt.

- Người làm chứng: Lê Văn P; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 12/3/2025, Lê Văn H điều khiển xe mô tô biển số 93F9-0993, loại Wave, màu xanh hướng từ ấp P, xã P B lên hướng bên phà M để bán vé số. Sau khi bán hết vé số, Hết kiểm tra tiền có được là 1.230.000 đồng, để vào túi quần trước bên phải. Khi đi ngang nhà ông Nguyễn Thanh T, tại ấp P, xã P, thấy cái bóp (ví) tiền của ông T đựng trong túi vải (có dây rút) bị rớt xuống ván sàn nhà, cạnh vồng ông T đang nằm, nên H nảy sinh ý định lấy trộm. Hết tiếp cận ngồi trò chuyện để ông T không cảnh giác; Hết lấy cái bóp mở ra, lấy số tiền Việt Nam gồm các mệnh giá 50.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng, để vào túi quần sau bên trái Hết đang mặc trên người. Ông T không phát hiện. Hết để bóp vào túi vải, kéo dây túi vải lại và nói với ông T “Cái bóp của ông rớt kia”. Sau đó, H điều khiển xe chạy đi. Lúc này, ông T phát hiện bị mất trộm tiền nên truy hô cho người thân biết. Khi Hết đang ở khu vực nhà chờ của bến đò Mương Lớn thì ông T và người thân đến chặn xe Hết yêu cầu kiểm tra. Lúc này, H thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và lấy toàn bộ số tiền trong túi quần sau bên trái kiểm đếm bao gồm 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 12 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, tổng số tiền lấy trộm là 3.400.000 đồng.

- Vật chứng thu giữ và xử lý:

+ Tiền Việt Nam 3.400.000 đồng, là tài sản của ông T bị Hết lấy trộm, Cơ quan điều tra đã trả lại ông T.

+ Tiền Việt Nam 1.230.000 đồng và 01 hộ chiếu số P03068933 mang tên Lê Văn H, là tài sản của Lê Văn H không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại cho H.

+ 01 xe mô tô biển số 93F9-0993, loại Wave, màu xanh, số máy VTTJL1P52FMHP005684, số khung RRKWCHEUM7X005684 (đã qua sử dụng). Đây là phương tiện Lê Văn H sử dụng khi trộm cắp tài sản. Đối với biển số 93F9-0993 do ông Lê Văn C đứng tên đăng ký, loại xe hai bánh, nhãn hiệu FUTURE; Cơ quan điều tra tỉnh Đồng Tháp ủy thác điều tra đến Cơ quan điều tra tỉnh Bình Phước để lấy lời khai ông C không có kết quả. Qua tra cứu số máy VTTJL1P52FMHP005684, số khung RRKWCHEUM7X005684 trên hệ thống phần mềm đăng ký xe hiển thị thông tin “Không tìm thấy đăng ký”.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu Lê Văn H bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng truy tố số 23/CT-VKSHN ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Tuyên bố bị cáo phạm Tội trộm cắp tài sản, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điểm h, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước xe mô tô, tiêu hủy biển số xe 93F9-0993. Trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận chỉ nói lời sau cùng: Cho bị cáo hưởng án nhẹ để sớm về bán vé số, làm lại cuộc đời, không vi phạm pháp luật nữa.

Luật sư Ngô Quang T1 đề nghị xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có hành vi cố ý trực tiếp trộm cắp tài sản của bị hại T (đã trên 70 tuổi) số tiền 3.400.000 đồng. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo H phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì muốn có tiền trên công sức của người khác mà không phải lao động tạo ra, nên bị cáo dấn thân vào con đường phạm tội. Bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, là nguy hiểm cho xã hội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân rất xấu, đang có 01 tiền án và đã từng có 05 tiền án.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tái phạm, phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên theo quy định tại các điểm h, i khoản 1 Điều 52 BLHS.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; trình độ học vấn thấp, không biết chữ, nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[9] Từ hành vi và hậu quả nêu trên, phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, để bị cáo thấy được lỗi làm của mình và phấn đấu trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời cũng nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho những ai thiếu ý thức chấp hành pháp luật như bị cáo. Xét thấy, với ý thức, tính chất, mức độ, hậu quả từ hành vi của bị cáo đã gây ra là

nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an ở địa phương, hoang mang trong quần chúng nhân dân, nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tốt hơn trong việc chấp hành pháp luật, sửa chữa lỗi lầm, phấn đấu trở thành công dân tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thu nhập không ổn định, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[11] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Kiểm sát viên đề xuất là phù hợp nên chấp nhận.

[12] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và các điểm h, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H phạm Tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 3 năm 2025.

2. Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

2.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với: 01 (một) xe mô tô, loại Wave, màu xanh, số máy VTTJL1P52FMHP005684, số khung RRKWCHEUM7X005684, đã qua sử dụng.

2.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) biển số xe 93F9-0993 (đã qua sử dụng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26 tháng 5 năm 2025.

3. Về án phí, căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17 tháng 6 năm

2025). Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú